

Bản án số: **48/2021/HS-PT**

Ngày: 14 - 06 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **37/2021/TLPT-HS** ngày 23 tháng 04 năm 2021 đối với bị cáo Lê Văn T, do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/HS-ST ngày 19 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Văn T, sinh năm 1979 tại Sóc Trăng. Nơi đăng ký thường trú: Số XXX đường Phạm H, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh ST; Chỗ ở hiện nay: Số XXX/XX/X đường L, khóm C, phường D, thành phố S, tỉnh ST; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P và bà Ong Thị K (chết); Có vợ và 01 con sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; (Bị cáo vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại Đặng Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Quốc K (cùng địa chỉ: Số XXX đường Phạm H, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh ST), nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cáo trạng của Viện kiểm sát, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

Lê Văn T là em rể của anh Đặng Văn S, cả hai đều cư trú trên phần đất của bà Võ Thị Đ tại số XXX đường Phạm H, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh ST, T ở khu phía sau, còn nhà anh S ở khu phía trước, bà Đ thì ở khu giữa.

Khoảng hơn 16 giờ, ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa T và anh S xảy ra cự cãi với nhau tại khu nhà số XXX đường Phạm H, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh ST. Khi anh S đi về nhà anh (ở phía trước) thì T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 83F4-11XX chạy ngang nhà S, có tiếng pô xe nổ lớn thì anh S ra chặn đầu xe lại, chửi đòi đánh T, rồi xô T ngã vào vách tường nhưng không gây ra thương tích gì. T không nói gì mà điều khiển xe ra đường Phạm H, đi đến nhà bà Nguyễn Thị Tuyết N, tại số 3XX, đường Phạm Hùng, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh ST, T đi vào đến xe đậu đậu ở trước nhà, T lấy một cây dao có cán bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu đen - trắng, dài 30cm, cầm trên tay chạy xe quay lại tìm anh S. Khi đến nơi, T đậu xe trước nhà, rồi đi bộ vào bên hông nhà thì gặp anh S đang ở cửa hông nhà sau, T kêu anh S ra đánh nhau với T, thì anh S đi ra, T cầm cây dao trên tay phải chém S gây thương tích 01 vết ở thái dương trái, 01 vết ở vùng ngực trái, 01 vết ở cánh tay trái, 01 vết ở đùi trái, 01 vết ở ngón IV bàn tay trái và 01 vết ở ngón V bàn tay trái. Khi bị T chém thì anh S lấy cây ống tuýp sắt dài 70cm đánh lại T, trúng vào người của T. Sau đó, anh S ném bỏ cây ống tuýp sắt, rồi dùng tay ôm T lại. Lúc này, T vẫn cầm dao chém anh S, anh S kêu con của anh là Đặng Quốc K ra tiếp, K từ trong nhà chạy ra thấy anh S bị chảy máu ở đầu, tay, đùi nên nhặt ống tuýp sắt đánh vào người T một cái, T bỏ dao xuống, rồi chạy đi qua đường L, phường D, thành phố S, tỉnh ST. Đến chiều cùng ngày Công an phường B, thành phố S tiến hành mời T về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tại ban Kết luận giám định pháp y về thương tích số 235/TgT-PY, ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Trung tâm pháp y tỉnh ST kết luận thương tích của bị hại Đặng Văn S: Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 11%, tổn thương do vật sắc gây nên, tổn thương vùng đầu, vùng ngực trái, vùng bẹn trái là vùng gây nguy hiểm đến tính mạng.

Về vật chứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố ST đã thu giữ: 01 (Một) xe mô tô, loại Dream, biển kiểm soát số 83F4-11XX, đã qua sử dụng, trầy xước nhiều nơi, không có chìa khóa xe; 01 (Một) mũ bảo hiểm màu xanh có sọc trắng ở giữa hướng từ trước ra sau, vành mũ màu đen, phần phía sau mũ có chữ “NHỰA TIỀN PHONG” màu đỏ, phân vành mũ phía bên trái bị bể, trên mũ có dính nhiều chất dịch màu đỏ đã khô; 01 (Một) cây dao dài 30cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng đen, chiều dài lưỡi dao 20cm, bề rộng lưỡi dao 5,5cm, cán dao bằng nhựa màu đen; 01 (Một) thanh kim loại màu đen dài 70cm, đường kính 13cm; 01 (Một) đôi dép quai kẹp màu xanh, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại Đặng Văn S không yêu cầu bị cáo T bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS-TPST ngày 01/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Cố ý gây thương

tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

* Tại Bản án sơ thẩm số 28/2021/HS-ST, ngày 19 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Lê Văn T, phạm tội Cố ý gây thương tích.
 2. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 2 (hai) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.
- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, phân trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 31/3/2021, bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, với lý do: Bị hại là người có lỗi trước; bản thân bị cáo có uống ít rượu nên không kiềm chế được; sau khi sự việc xảy ra bị cáo có nhờ gia đình xin lỗi, thương lượng với bị hại; bản thân không tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và hiện nay hối hận việc làm sai trái của mình.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính hợp lệ và tính có căn cứ của kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T là đúng theo quy định tại Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên được chấp nhận, vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và có liên quan đến việc kháng cáo.

[2] Bị cáo Lê Văn T là người kháng cáo và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng bị cáo vắng mặt không vì lý do

bất khả kháng, không do trở ngại khách quan và không gây trở ngại cho việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3] Người bị hại Đặng Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Quốc K không có mặt tại phiên tòa, do Tòa án không triệu tập.

[4] Bị cáo Lê Văn T khai nhận: Khoảng hơn 16 giờ, ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa bị cáo T (bị cáo) và bị hại S (bị hại) có xảy ra cự cãi với nhau, khi bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 83F4-11XX chạy ngang nhà bị hại thì bị hại ra chặn đầu xe lại, chửi đòi đánh bị cáo vì nói rằng bị cáo cho pô xe nổ lớn, rồi xô T ngã vào vách tường nhưng không gây ra thương tích. Bị cáo không nói gì mà điều khiển xe đến nhà bà Nguyễn Thị Tuyết N, bị cáo lấy một cây dao của bà N cầm trên tay và chạy xe quay lại nhà bị hại tìm bị hại. Khi đến nhà bị hại, bị cáo đứng trước bên hông nhà thách thức, kêu bị hại ra đánh nhau với bị cáo, sau đó bị hại đi ra và cầm ống tuýp sắt đánh bị cáo trước nên bị cáo mới dùng dao chém và quơ trúng vào người bị hại nhiều nhất gây ra nhiều vết thương cho bị hại, nhưng không rõ vị trí nào. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và thừa nhận các vết thương của bị hại S là do bị cáo có hành vi dùng dao chém gây ra. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa cũng phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với các chứng cứ và tài liệu mà cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị hại S khai rằng, khi bị cáo T cầm dao đến tìm bị hại thì bị cáo T là người đã chém bị hại trước nên bị hại S đã dùng ống tuýp đỡ. Xét thấy, bị cáo và bị hại đều đổ lỗi cho nhau, bị hại cho là bị cáo chém trước và bị cáo cho là bị hại đánh trước, nhưng các bên không đưa ra được căn cứ để xác định ai là người chém hoặc đánh trước, trong khi đó khi bắt đầu xảy ra vụ án chỉ có bị cáo và bị hại, không có ai chứng kiến hoặc làm chứng nên dựa vào lời khai của bị cáo và bị hại chưa có căn cứ để xác định được ai là người đã đánh hay chém trước. Nhưng trên thực tế trước khi xảy ra vụ án, bị hại có hành vi chặn đầu xe bị cáo, chửi đòi đánh bị cáo và xô bị cáo ngã vào vách tường nhưng không gây ra thương tích. Để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo, cấp sơ thẩm chấp nhận lời khai của bị cáo phù hợp theo quy định pháp luật.

[6] Bị cáo Lê Văn T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được sức khỏe của con người là vốn quý, không gì so sánh được là bất khả xâm phạm, là khách thể được luật hình bảo vệ, người nào xâm hại là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị. Mặc dù, bị cáo nhận thức được điều này nhưng với bản chất xem thường pháp luật, không tôn trọng sức khỏe của người khác nên đã có hành vi dùng dao là loại hung khí nguy hiểm, chém bị hại nhiều vết gây thương tích và gây tổn hại sức khỏe cho bị hại S, tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 11% (tổn thương do vật sắc gây nên, trong đó tổn thương vùng đầu, vùng ngực trái, vùng bẹn trái là vùng gây nguy hiểm đến tính mạng). Bị cáo Lê Văn T thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” nên có tội và phải chịu trách nhiệm hình sự. Do

đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[7] Trong xét xử sơ thẩm, khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; trong vụ án này bị hại cũng có lỗi một phần; bị cáo đã thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đúng với quy định của pháp luật.

[8] Xét thấy, theo kháng cáo của bị cáo Lê Văn T xin giảm nhẹ hình phạt, với tình tiết: Bị hại có lỗi trước; bị cáo không tiền án, tiền sự; đã hối hận và xin lỗi bị hại, các tình tiết này Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên không có căn cứ để áp dụng.

[9] Ngoài các tình tiết nêu trên, bị cáo còn đưa ra tình tiết bị cáo phạm tội lần đầu, do bị cáo có uống ít rượu nên không kiềm chế được. Tuy bị cáo phạm tội lần đầu, nhưng phải thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo bị truy tố và xét xử theo điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mức hình phạt đến 06 năm tù là “Tội phạm nghiêm trọng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và thuộc trường hợp nghiêm trọng, nên không có căn cứ áp dụng. Bị cáo cho rằng mình có dùng rượu nên nên không kiềm chế được là không cơ sở, luật hình cũng không loại trừ trách nhiệm hình sự và không thuộc tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[10] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo nội dung kháng cáo và lý do xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn T là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[13] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

1/- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T.

2/- Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/HS-ST, ngày 19 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh ST, như sau:

“Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Lê Văn T, phạm tội Cố ý gây thương tích.

2. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 2 (hai) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.”

Các phần khác của quyết định Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật;

3/- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đồng.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND thành phố Sóc Trăng (2 bản);
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- PKTNVV-THA - TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Hùng Nuôi

